

ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG CỦA MỘT SỐ ĐIỂM DU LỊCH DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TẠI TỈNH HÒA BÌNH

Đặng Văn Hà^{1*}, Nguyễn Thị Yến¹, Nguyễn Thu Trang¹

TÓM TẮT

Du lịch dựa vào cộng đồng là hình thức kinh doanh du lịch dựa vào tài nguyên thiên nhiên và đặc điểm văn hóa địa phương, đang có xu hướng phát triển mạnh ở những cộng đồng dân cư miền núi những năm gần đây. Bên cạnh những mặt tích cực đạt được về kinh tế, bảo tồn các giá trị văn hóa và bản sắc dân tộc, hoạt động khai thác phát triển du lịch dựa vào cộng đồng khó tránh khỏi những tác động tiêu cực, dẫn đến phát triển thiếu bền vững. Kết quả nghiên cứu hoạt động du lịch cộng đồng tại xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu và xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình cho thấy, hàng năm tổng lượt khách du lịch đến 2 xã khoảng 15.000 lượt khách (trong đó 80% là khách du lịch quốc tế) và thu nhập bình quân ở 2 xã đạt 40 triệu đồng/người/năm. Nhóm nghiên cứu đã xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá tính bền vững của các điểm du lịch dựa vào cộng đồng với 4 tiêu chí lớn (kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường, cộng đồng và phát triển du lịch) tương ứng với điểm bền vững 75,20 - 74,03; 75,38 - 76,28; 56,23 - 61,25; 55,48 - 56,57 và 12 tiêu chí thành phần. Trong đó điểm đánh giá các thang đo một số tiêu chí thành phần đang ở mức không tốt như ảnh hưởng của hiện tượng bê tông hóa (15,16), khả năng sử dụng tiếng Anh (32,74), giao lưu văn hóa với khách du lịch (37,59), hỗ trợ của Nhà nước (30,51). Điểm thang đo một số tiêu chí thành phần được đánh giá rất tốt như bảo tồn tiếng dân tộc, nói và viết chữ Quốc ngữ, duy trì lễ hội truyền thống, bảo vệ rừng và cải tạo nhà cửa... Kết quả nghiên cứu này, có thể mở rộng áp dụng để đánh giá các mô hình du lịch dựa vào cộng đồng tại các địa bàn khác.

Từ khóa: Du lịch cộng đồng, du lịch bền vững, sức tải du lịch, Chiềng Châu, Phong Phú.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển kinh tế du lịch, đặc biệt là phát triển kinh tế du lịch tại các vùng nông thôn đã được Đảng, Nhà nước và các địa phương đặc biệt quan tâm trong những năm gần đây. Ngày 6/12/2018, tại Lai Châu, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia đã tổ chức Hội thảo toàn quốc "Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới". Trên cơ sở những chủ trương lớn đó, nhiều địa phương trong cả nước, trong đó có tỉnh Hòa Bình đã xây dựng chiến lược phát triển du lịch dựa vào cộng đồng (DLCD) gắn với xây dựng nông thôn mới đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Theo Häusler *et al.* (2003) DLCD là một hình thái du lịch trong đó chủ yếu là người dân địa phương đứng ra phát triển và quản lý. Lợi ích kinh tế có được từ du lịch sẽ làm tăng nguồn thu cho kinh tế địa phương. Một trong những cơ sở đầu tiên cho việc đánh giá tính bền vững của du lịch là sự ra đời của thước đo sự bền vững được phát triển bởi Prescott - Allen (1997). Các nhà nghiên cứu có

các phương pháp khác nhau để đánh giá, trong đó có phương pháp giản đơn như sự áp dụng thang đo 5 điểm của Rio và Nunes (2012) đến các lý thuyết và kỹ thuật khá phức tạp như lý thuyết mờ (Lin và Lu, 2012), lý thuyết hệ thống xám (Xin và Ling, 2014), dấu chân sinh thái (Lee và Peng, 2014). Theo Bùi Thanh Hương và Nguyễn Đức Hoa Cương (2007), quá trình phát triển du lịch thành công cần dựa vào 3 nền tảng: Tính bền vững, sự tham gia cộng đồng, quy mô phát triển du lịch. Tính bền vững: Trong bối cảnh du lịch hiện nay, tính bền vững cần được xem xét cả về mặt du lịch (du lịch bền vững) lẫn về phía cộng đồng dân cư địa phương, được xây dựng trên 3 trụ cột: Kinh tế bền vững, môi trường bền vững, văn hóa - xã hội bền vững. Một trụ cột quan trọng nữa là cộng đồng và phát triển du lịch cũng là một tiêu chí đánh giá quan trọng như tương tác giữa người dân và khách du lịch, sự hỗ trợ tạo điều kiện cho người dân làm du lịch, sức tải môi trường du lịch... (Beeton, 2006) và đây có thể được xem như trụ cột thứ tư.

Tại tỉnh Hòa Bình, tính đến hết năm 2020, có khoảng 100 điểm DLCD với dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng homestay với trên 157 hộ tham gia, 2.355

¹ Trường Đại học Lâm nghiệp

*Email: hadv@vnuf.edu.vn

giường. Tổng số lao động trực tiếp là 428 lao động, lao động gián tiếp trên 200 lao động. Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch cộng đồng là 415 tỷ đồng với tổng 471 nghìn lượt khách tham quan du lịch (UBND tỉnh Hòa Bình, 2020). Các điểm du lịch cộng đồng nằm chủ yếu ở các huyện: Mai Châu, Tân Lạc, Đà Bắc, Cao Phong, Lạc Sơn. Trong đó, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu và xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình là hai địa phương sớm tổ chức các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng và đã được nhiều khách du lịch trong và ngoài nước biết đến như bản Lác, xóm Ải. Đây cũng là 2 điểm du lịch đầu tiên được UBND tỉnh Hòa Bình công nhận là điểm du lịch địa phương. Sau hơn 20 năm làm du lịch, các điểm du lịch này đã có những thay đổi rõ rệt trong đời sống kinh tế - xã hội. Nhưng bên cạnh đó những dấu hiệu thiếu tính bền vững cũng đang ngày một xuất hiện nhiều do tác động của kinh tế thị trường, trong đó phải kể đến sự mai một về văn hóa, hiện tượng vì lợi nhuận trước mắt sẵn sàng thay đổi các giá trị truyền thống, tác động xấu đến môi trường, cách thức làm du lịch còn thiếu chuyên nghiệp. Vì vậy, việc nghiên cứu *“Đánh giá tính bền vững của một số điểm du lịch dựa vào cộng đồng tại tỉnh Hòa Bình”* là rất cần thiết. Nghiên cứu đã chọn 2 điểm tiêu biểu để đi sâu nghiên cứu là xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu và xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình để từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cũng như đề xuất các giải pháp phát triển cho các điểm DLCĐ của tỉnh Hòa Bình trong giai đoạn tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nghiên cứu thực trạng phát triển du lịch dựa vào cộng đồng

Kế thừa các tài liệu đã nghiên cứu trước và thu thập số liệu trực tiếp thông qua điều tra phỏng vấn bằng bảng câu hỏi tại các hộ gia đình. Đối tượng phỏng vấn là những người kinh doanh du lịch, quan sát thực tế, đo đạc kỹ thuật trên số mẫu cần thiết. Số

lượng mẫu điều tra tại các địa điểm nghiên cứu được xác định theo công thức của Yamane (1967) (Torres và Saarinen, 2013) như sau:

Tại xã Chiềng Châu: $n = N/[1 + Ne^2]$, sai số được chọn là $\pm 10\%$ (0,1), cỡ mẫu được tính theo công thức trên là: $n = 125/[1 + 125 \cdot 0,1^2] = 56$ hộ (N - tổng số hộ gia đình kinh doanh du lịch, e - là sai số cho phép).

Tại xã Phong Phú: $n = N/[1 + Ne^2]$, sai số được chọn là $\pm 10\%$ (0,1), cỡ mẫu được tính theo công thức trên là: $n = 95/[1 + 95 \cdot 0,1^2] = 49$ hộ.

Kết quả nghiên cứu được phân tích bằng phương pháp thống kê và sự hỗ trợ bằng phần mềm IBM SPSS Statistics 23.

2.2. Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tính bền vững của mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng

2.2.1. Xây dựng tiêu chí

Các tiêu chí được xây dựng dựa trên tổng hợp quan điểm lý luận kết hợp với yếu tố thực tiễn tại địa bàn nghiên cứu, gồm 3 bước: Tổng hợp các tiêu chí phù hợp từ các nghiên cứu trước; điều tra địa bàn nghiên cứu để phát hiện và bổ sung; tham vấn chuyên gia xác định bộ tiêu chí chính thức. Chuyên gia được chọn tham vấn 5 người, trong đó 2 người đang trực tiếp làm công tác quản lý du lịch tại địa phương từ có kinh nghiệm từ 5 năm trở lên, 3 người tham gia công tác nghiên cứu, giảng dạy liên quan đến du lịch có kinh nghiệm từ 15 năm trở lên. Cấu trúc của bộ tiêu chí đánh giá gồm 3 cấp bậc: Tiêu chí lớn/Khía cạnh bền vững, tiêu chí thành phần và biến thang đo; việc xác định các tiêu chí được thực hiện từ cấp lớn nhất đến các cấp nhỏ hơn. Bộ tiêu chí và thang đo (biến đo lường) hoàn chỉnh được tham khảo chuyên gia lần cuối và được sử dụng để thực hiện các bước nghiên cứu tiếp theo. Bộ tiêu chí được tổng hợp và đề xuất tại bảng 1.

Bảng 1. Bộ tiêu chí đánh giá phát triển du lịch bền vững tại các địa điểm nghiên cứu

Mục tiêu	Tiêu chí	Tiêu chí thành phần	Biến đo lường
Phát triển du lịch bền vững	Kinh tế	Ổn định thu nhập	Sự ổn định thu nhập hộ gia đình từ khi làm du lịch
			Thu nhập từ du lịch tốt hơn nghề truyền thống
		Phân phối thu nhập	Người dân được hưởng tỷ lệ từ doanh thu du lịch
			Chính sách thuế, phí về du lịch hợp lý
	Văn hóa - xã hội	Mức độ bảo tồn đặc trưng văn hóa địa phương	Trang phục truyền thống
			Công trình kiến trúc nhà ở
			Điệu múa, bài hát dân tộc

			Tiếng dân tộc
			Lễ hội truyền thống
		Tác động bên ngoài đến văn hóa	Sự mâu thuẫn văn hóa giữa các dân tộc tại địa phương
			Sự xuất hiện của văn hóa khác
		Ý thức lưu giữ văn hóa dân tộc	Truyền tải văn hóa địa phương cho khách du lịch
			Lưu giữ văn hóa của người trẻ
		Cơ hội giáo dục	Nói và viết chữ Quốc ngữ
			Đi học thuận tiện
		Đời sống dân cư	Cải tạo nhà cửa
			Đáp ứng về nước sạch
			Đáp ứng về điện
			Đáp ứng về dịch vụ y tế
			Mua hàng tiêu dùng sinh hoạt
	Môi trường	Bảo vệ tài nguyên tự nhiên và môi trường	Bảo vệ cảnh quan rừng
			Bảo vệ cảnh quan nông nghiệp
			Ảnh hưởng của bê tông hóa đến cảnh quan
			Xử lý rác thải
		Ý thức bảo vệ môi trường	Tuyên truyền bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương
			Ý thức của khách du lịch
			Hành động của cộng đồng địa phương
	Cộng đồng và phát triển du lịch	Tương tác giữa người dân và khách du lịch	Thái độ của người dân khi gặp khách du lịch
			Khả năng sử dụng tiếng Anh
			Giao lưu văn hóa với khách du lịch
		Hỗ trợ làm du lịch cho người dân địa phương	Lợi ích nhận được từ các khóa học du lịch
			Hỗ trợ khác của Nhà nước
			Tiếp thu ý kiến người dân
		Sức tải du lịch	Sự đáp ứng nhà ở homestay
			Sự đáp ứng địa điểm tổ chức các hoạt động giải trí khi quá đông khách du lịch

2.2.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo và hiệu chỉnh bộ tiêu chí

Sau khi khảo sát, kiểm định độ tin cậy của thang đo được sử dụng bằng phân tích hệ số Cronbach's Alpha qua phần mềm IBM SPSS Statistic 23. Mục đích của kiểm định này là tìm hiểu xem các biến trong thang đo có cùng đo lường cho một khái niệm cần đo hay không. Giá trị đóng góp nhiều hay ít được phản ánh qua hệ số tương quan biến tổng Corrected Item - Total Correlation. Qua đó, cho phép loại bỏ những biến và tiêu chí không phù hợp trong bộ tiêu chí đánh giá. Quy tắc kiểm định được đưa ra bởi Hair *et al.* (2010) như sau:

$\alpha < 0,6$: Thang đo không phù hợp.

$0,6 \leq \alpha < 0,7$: Chấp nhận được với các nghiên cứu mới hoặc mới đối với người trả lời trong bối cảnh nghiên cứu.

$0,7 \leq \alpha < 0,8$: Chấp nhận được.

$0,8 \leq \alpha < 0,95$: Tốt.

$\alpha \geq 0,95$: Chấp nhận được nhưng không tốt, có thể xảy ra hiện tượng trùng biến.

Trong đó, hệ số tương quan biến tổng thể cho biết liên kết giữa một biến quan sát với các biến còn lại, phản ánh mức độ đóng góp vào giá trị của một biến quan sát cụ thể, tiêu chuẩn để đánh giá một biến có thực sự đóng góp giá trị cho biến quan sát hay không là hệ số này phải lớn hơn 0,3.

2.2.3. Xác định trọng số của các tiêu chí bằng phương pháp phân tích thứ bậc AHP (Analytic Hierachy Process)

Phương pháp này được áp dụng rộng rãi cho nhiều lĩnh vực như khoa học tự nhiên, kinh tế, xã hội... đây là phương pháp trực quan và tương đối dễ

dùng để xây dựng và phân tích ra quyết định (Bruce *et al.*, 1989).

Các bước xử lý số liệu theo thuật toán AHP như sau:

Bước 1: Lập ma trận so sánh cặp

Để mô tả ý kiến đánh giá của các chuyên gia về mức độ quan trọng của mỗi tiêu chí đối với tiêu chí ở cấp cao hơn cần thực hiện so sánh từng cặp. Giả sử chúng ta so sánh một bộ gồm n tiêu chí, được ký hiệu là $A_1, A_2, \dots, A_n$ được diễn tả bằng một ma trận so sánh cặp A kích thước $n \times n$, chứa các phần tử a_{ij} . Nếu như trọng số các phần tử của ma trận A là a_{ij} thì ma trận (a) thể hiện việc so sánh từng cặp. Trong ma trận so sánh cặp, một giá trị của ma trận là giá trị nghịch đảo của nửa kia đối xứng qua đường chéo chính của ma trận, tức là $a_{ji} = a_{ij}^{-1}$ (i tính theo hàng, j tính theo cột).

$$A = \begin{bmatrix} A_1 \\ A_2 \\ \dots \\ A_n \end{bmatrix} = \begin{bmatrix} a_{11} & a_{12} & \dots & a_{1n} \\ a_{21} & a_{22} & \dots & a_{2n} \\ \dots & \dots & \dots & \dots \\ a_{n1} & a_{n2} & \dots & a_{nn} \end{bmatrix} \quad (a)$$

Bước 2: Chuẩn hóa ma trận

Việc chuẩn hóa ma trận so sánh cặp được thực hiện bằng cách chia mỗi phần tử trong từng cột của ma trận với giá trị tổng tương ứng. Điều này sẽ cung cấp sự so sánh có ý nghĩa giữa các yếu tố trong sơ đồ thứ bậc. Ma trận chuẩn hóa có dạng như sau:

$$A' = \begin{bmatrix} A'_1 \\ A'_2 \\ \dots \\ A'_n \end{bmatrix} = \begin{bmatrix} w_{11} & w_{12} & \dots & w_{1n} \\ w_{21} & w_{22} & \dots & w_{2n} \\ \dots & \dots & \dots & \dots \\ w_{n1} & w_{n2} & \dots & w_{nn} \end{bmatrix} \quad \text{với} \quad w_{ij} = \frac{a_{ij}}{\sum_{j=1}^n a_{ij}} \quad (b)$$

Bước 3: Véc tơ độ ưu tiên

Lấy trung bình theo dòng của ma trận chuẩn hóa, tức là giá trị của mỗi hàng trong ma trận mới được tính ở bước trên sẽ được lấy tổng và chia cho số cột thể hiện các yếu tố so sánh. Véc tơ độ ưu tiên có dạng như sau:

$$w = \begin{bmatrix} w_1 \\ w_2 \\ \dots \\ w_n \end{bmatrix} \quad \text{với} \quad w_{ij} = \frac{\sum_{j=1}^n w_{ij}}{n} \quad (c)$$

Bước 4: Đo lường sự không nhất quán

Saaty (1980) đã đề ra các bước đo lường sự không nhất quán như sau:

+ Xác định véc tơ tổng có trọng số bằng cách nhân ma trận so sánh cặp với véc tơ độ ưu tiên:

$$T = A \cdot w \quad (d)$$

+ Xác định véc tơ nhất quán bằng cách chia tương ứng véc tơ tổng có trọng số cho véc tơ độ ưu tiên: $P = T/w$ (e)

+ Xác định giá trị đặc trưng cực đại λ :

$$\lambda_{\max} = \frac{\sum_{i=1}^n p_i}{n} \quad (f)$$

+ Xác định trị số nhất quán CI (Consistency Index) theo công thức của Saaty (1980):

$$CI = \frac{\lambda_{\max} - n}{n-1} \quad (g)$$

+ Xác định tỉ số nhất quán CR (Consistency Ratio): $CR = \frac{CI}{RI}$ (h)

Trong đó: n là kích thước của ma trận và RI là chỉ số ngẫu nhiên (Random Index - nhất quán trung bình) được xác định từ bảng 2.

Bảng 2. Giá trị chỉ số ngẫu nhiên – Random Index

N	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
RI	0,0	0,0	0,58	0,90	1,12	1,24	1,32	1,41	1,49	1,51	1,51	1,54	1,56	1,57	1,58

Nguồn: Saaty (1980)

Nếu tỉ số nhất quán $CR < 10\%$ ($CR < 0,1$) thì các trọng số của các tham số vừa tính đạt yêu cầu, nếu $CR > 10\%$ thì thu thập lại dữ liệu và tiếp tục làm từ bước 1.

Bước 5: Véc tơ tổng hợp trọng số

Véc tơ tổng hợp trọng số chính là giá trị véc tơ độ ưu tiên trung bình của tất cả các chuyên gia đánh giá sau khi đã đo lường sự không nhất quán. Kết quả

cuối cùng của véc tơ tổng hợp trọng số là các véc tơ w_i cho các tiêu chí thuộc nhóm tiêu chí thứ i, w_G cho tất cả các nhóm.

2.3. Nghiên cứu điểm bền vững và trạng thái của mô hình du lịch dựa vào cộng đồng tại các địa điểm nghiên cứu

Kết quả đánh giá mức độ bền vững là một điểm số duy nhất được gọi là điểm bền vững đối với mục

tiêu phát triển du lịch bền vững và các tiêu chí lớn, mức độ đáp ứng yêu cầu đối với các biến đo lường, việc tính toán dựa trên công thức sau:

$$S = \sum_{i=1}^n M_i \times x_i \quad (i)$$

Trong đó: S là điểm bền vững du lịch ($0 \leq S_i \leq 100$); M_i là trung bình đánh giá của người dân địa phương cho tiêu chí I ($0 \leq M_i \leq 100$); x_i là trọng số của tiêu chí i ($0 \leq x_i \leq 1$).

Kết quả điểm bền vững (S) sẽ được so sánh với bảng tiêu chuẩn đánh giá mức độ bền vững (Prescott - Allen, 1997), điểm đánh giá của người dân được quy đổi hợp lý với thang đánh giá ở bảng 3.

Bảng 3. Thang đánh giá mức độ bền vững

Điểm bền vững		Thang đánh giá		
Điểm bền vững	Giá trị mã hóa (theo thang Likert)	Khoảng giá trị	Trạng thái bền vững	Tiêu chí thành phần và biến đo lường
10	1	0 - 20	Không bền vững	Kém
30	2	21 - 40	Không bền vững tiềm tàng	Không tốt
50	3	41 - 60	Trung bình	Trung bình
70	4	61 - 80	Bền vững tiềm năng	Tốt
90	5	81 - 100	Bền vững	Rất tốt

Nguồn: Prescott - Allen (1997)

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng phát triển DLCD tại các điểm nghiên cứu

Xã Chiềng Châu hiện có 927 hộ với 3.780 nhân khẩu, gồm 5 dân tộc anh em cùng chung sống, trong đó chủ yếu là dân tộc Thái (trên 80%). Vào những năm 1980, trên địa bàn xã bắt đầu đón nhận khách du lịch, trong đó chủ yếu là từ khối Xô Viết, Đông Âu, sau đó vào những năm 1990 là khách du lịch phương Tây. Năm 1995, xã chính thức được cấp phép kinh doanh nhà nghỉ tại Bản Lác và từ mô hình này đã phát triển lan rộng ra các hộ gia đình khác trong khu vực xã và đến nay đã trở thành một trong những địa điểm du lịch trọng điểm của tỉnh Hòa Bình. Toàn xã có 125 hộ dân làm nghề kinh doanh và 75 hộ đăng ký dịch vụ homestay. Theo kết quả điều

tra, năm 2019 xã đã đón tiếp 8.567 lượt du khách, trong đó lượng khách quốc tế chiếm trên 80% (khách quốc tế chủ yếu đến từ các nước Anh, Pháp, Mỹ, Hàn Quốc và Indonesia). Đời sống người dân không ngừng nâng cao, đến nay thu nhập bình quân đầu người đạt 43 - 45 triệu đồng/người/năm. Năm 2020 khách du lịch giảm nhiều so với năm 2019 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 (đạt khoảng 40%). Các hoạt động chính của du khách là dựa vào cảnh quan thiên nhiên như: đi bộ dạo, ngắm đồi núi, tham quan gian hàng, và tìm hiểu các nét văn hóa dân tộc. Các điểm tham quan, dịch vụ vui chơi giải trí khác được quan tâm đầu tư xây dựng, nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch.

Bảng 4. Sự tham gia vào hoạt động du lịch ở các địa điểm nghiên cứu

STT	Loại hình	Tỷ lệ hộ tham gia (%)
I	Tại xã Chiềng Châu	
1	Sản xuất và bán hàng thổ cẩm	85
2	Dịch vụ nhà nghỉ homestay	60
3	Dịch vụ nhà hàng	10
4	Dịch vụ tham quan và hướng dẫn	20
II	Tại xã Phong Phú	
1	Sản xuất và bán hàng thổ cẩm	40
2	Dịch vụ nhà nghỉ homestay	80
3	Dịch vụ tham quan và hướng dẫn	20

Nguồn: Điều tra thực địa năm 2019 - 2020

Xã Phong Phú hiện có 961 hộ với 4.039 nhân khẩu, là nơi sinh sống của người Mường Bi (chiếm trên 90%) và là một trong 4 Mường cổ của tỉnh Hòa Bình. Tính đến tháng 10 năm 2020 cả xã có 95 hộ dân làm nghề kinh doanh du lịch cộng đồng và 94 nếp nhà sàn truyền thống trong đó có 37 nhà sàn được tỉnh Hòa Bình đưa vào dự án tu sửa, tôn tạo để giữ lại nét cổ xưa của bản Mường, các tập quán văn hóa của người Mường ở đây được duy trì tốt. Năm 2008, xóm Ải được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận là làng truyền thống tiêu biểu của dân tộc ít người và là xóm đại diện dân tộc Mường trong Chương trình xây dựng 20 làng truyền thống của cả nước. Người dân trong xã vẫn duy trì nhiều lễ hội văn

hóa truyền thống tiêu biểu của người Mường như: lễ Xướng đồng (lễ Khai hạ), lễ hội Chiềng Mường, lễ Com mới... Năm 2018 xã đã đón tiếp trên 6.000 lượt du khách và năm 2019 đón tiếp trên 400 đoàn với gần 7.000 lượt du khách, trong đó lượng khách quốc tế chiếm trên 80% (chủ yếu đến từ các nước Anh, Pháp, Mỹ, Hàn Quốc và Indonesia). Doanh thu từ hoạt động du lịch đạt 35 - 40 triệu đồng/người/năm. Tương tự, bản như xã Chiềng Châu lượng khách du lịch tại đây năm 2020 cũng giảm đáng kể do ảnh hưởng của dịch Covid 19.

Bảng 4 cho thấy, người dân hầu như chịu trách nhiệm chính về các hoạt động du lịch, các công ty du lịch ở các địa phương khác chủ yếu chỉ đảm nhiệm việc vận chuyển khách đến và đi từ bản trở về. Đối

với khách nước ngoài các công ty sẽ cùng chia sẻ việc cung cấp hướng dẫn viên nói tiếng Anh.

3.2. Bộ tiêu chí đánh giá và đo lường tính bền vững của mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng

3.2.1. Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha thang đo tính bền vững

Thang đo tính bền vững của du lịch tại địa bàn nghiên cứu được xây dựng từ việc tổng hợp có chọn lọc các tiêu chí, nhóm tiêu chí và các biến đo lường của các kết quả nghiên cứu trước, kết hợp với nghiên cứu định tính phát hiện các tiêu chí đặc trưng của địa phương, nhận định sự phù hợp của các tiêu chí được lựa chọn với địa bàn nghiên cứu. Kết quả kiểm định độ tin cậy của các biến đo lường bằng kiểm định Cronbach's Alpha được thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5. Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha

STT	Tiêu chí phụ	Số biến thang đo		Hệ số Cronbach's Alpha		Hệ số Cronbach's Alpha lớn nhất nếu loại bỏ biến		Hệ số tương quan biến tổng nhỏ nhất	
		(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)
1	Ổn định thu nhập	2	2	0,812	0,817	-	-	0,691	0,684
2	Phân phối thu nhập	2	2	0,775	0,780	-	-	0,774	0,794
3	Mức độ bảo tồn đặc trưng văn hóa địa phương	5	5	0,800	0,816	0,706	0,801	0,520	0,528
4	Tác động bên ngoài đến văn hóa	2	2	0,785	0,810	-	-	0,665	0,675
5	Ý thức lưu giữ văn hóa dân tộc	2	2	0,706	0,806	-	-	0,702	0,710
6	Cơ hội giáo dục	2	2	0,751	0,741	-	-	0,701	0,716
7	Đời sống dân cư	5	5	0,816	0,818	0,710	0,811	0,510	0,598
8	Bảo vệ tài nguyên tự nhiên và môi trường	4	4	0,711	0,811	0,769	0,789	0,627	0,677
9	Ý thức bảo vệ môi trường	3	3	0,715	0,817	0,665	0,685	0,599	0,569
10	Tương tác giữa người dân và khách du lịch	3	3	0,811	0,712	0,712	0,762	0,764	0,664
11	Hỗ trợ làm du lịch cho người dân địa phương	3	3	0,801	0,702	0,785	0,768	0,588	0,578
12	Sức tải du lịch	2	2	0,745	0,755	-	-	0,678	0,674

Ghi chú: (1): Xã Chiềng Châu, (2) Xã Phong Phú

Bảng 5 cho thấy, tất cả các tiêu chí nghiên cứu ở các địa điểm nghiên cứu đều có hệ số Cronbach's Alpha > 0,7, các hệ số tương quan biến tổng đều > 0,3

đảm bảo thang đo có độ tin cậy cao. Kết quả khảo sát đủ điều kiện được sử dụng để tiến hành thực hiện các bước nghiên cứu tiếp theo.

3.2.2. Mức độ quan trọng (trọng số) của các tiêu chí, nhóm tiêu chí từ phân tích AHP

Ở các cấp tiêu chí nhỏ hơn mức độ quan trọng cũng được thể hiện khá rõ ràng, các tiêu chí thành phần có trọng số cao nhất là phân phối thu nhập (kinh tế) 0,677 (xã Phong Phú) và 0,657 (xã Chiềng

Châu); bảo vệ tài nguyên tự nhiên và môi trường là 0,5 (xã Chiềng Châu) và 0,6 (xã Phong Phú); ý thức bảo vệ môi trường (môi trường) 0,65 (xã Phong Phú) và 0,4 (xã Chiềng Châu); hỗ trợ làm du lịch cho người dân địa phương là 0,462 (xã Chiềng Châu) và 0,368 (xã Phong Phú).

Bảng 6. Kết quả đánh giá trọng số của chuyên gia về các tiêu chí tại xã Chiềng Châu và Phong Phú

Tiêu chí	Trọng số	Tiêu chí thành phần	Trọng số	Thang đo	Trọng số
Kinh tế (0,021-0,001)*	0,281-0,271	Ổn định thu nhập (0,005- 0,020)	0,334-0,343	Sự ổn định thu nhập hộ gia đình từ khi làm du lịch	0,167-0,177
				Thu nhập từ du lịch tốt hơn nghề truyền thống	0,833-0,753
		Phân phối thu nhập (0,011- 0,010)	0,657-0,677	Người dân giữ lại được phần lớn doanh thu du lịch	0,857-0,847
				Chính sách thuế, phí về du lịch hợp lý	0,143-0,163
Văn hóa – Xã hội (0,012-0,011)	0,25-0,28	Mức độ bảo tồn đặc trưng văn hóa địa phương (0,013-0,007)	0,135-0,133	Trang phục	0,231-0,331
				Nhà sàn	0,154-0,254
				Điệu múa, bài hát dân tộc	0,205-0,201
				Tiếng dân tộc	0,231-0,432
				Lễ hội truyền thống	0,179-0,322
		Tác động bên ngoài đến văn hóa (0,003- 0,060)	0,096-0,066	Mâu thuẫn văn hóa giữa các dân tộc tại địa phương	0,875-0,786
				Sự xuất hiện của văn hóa khác	0,125-0,132
		Ý thức lưu giữ văn hóa dân tộc (0,014-0,080)	0,124-0,153	Truyền tải văn hóa địa phương cho khách du lịch	0,271-0,42
				Lưu giữ văn hóa của người trẻ	0,75-0,57
		Cơ hội giáo dục (0,002- 0,080)	0,153-0,154	Khả năng nói và viết chữ Quốc ngữ	0,539-0,543
				Đi học thuận tiện	0,461-0,262
Môi trường (0,015-0,010)	0,25-0,35	Bảo vệ tài nguyên tự nhiên và môi trường (0,034- 0,020)	0,5-0,6	Cải tạo nhà cửa	0,152-0,225
				Nước sạch	0,273-0,371
				Dịch vụ y tế	0,242-0,324
				Điện	0,273-0,372
				Mua hàng tiêu dùng	0,66-0,03
				Bảo vệ rừng	0,179-0,280
				Bảo vệ đất nông nghiệp	0,203-0,201
				Ảnh hưởng của bê tông hóa đến cảnh quan	0,554-0,423
				Xử lý rác thải	0,263-0,251

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Cộng đồng và phát triển du lịch (0,010-0,013)	0,219-0,220	Ý thức bảo vệ môi trường (0,014-0,001)	0,4-0,65	Tuyên truyền bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương	0,209-0,212
				Ý thức của khách du lịch	0,403-0,394
				Hành động của cộng đồng địa phương	0,389-0,378
		Tương tác giữa người dân và khách du lịch (0,011- 0,010)	0,318-0,320	Thái độ phản ứng khi gặp khách du lịch	0,289-0,325
				Khả năng sử dụng tiếng Anh	0,13-0,16
				Giao lưu văn hóa với khách du lịch	0,581-0,572
		Hỗ trợ làm du lịch cho người dân địa phương (0,023- 0,003)	0,462-0,368	Lợi ích nhận được từ các khóa học du lịch	0,223-0,224
				Hỗ trợ khác của Nhà nước	0,422-0,432
				Tiếp thu ý kiến người dân	0,355-0,356
		Sức tải du lịch (0,002- 0,005)	0,22-0,36	Sự đáp ứng nhà ở homestay khi quá đông khách du lịch	0,615-0,625
				Sự đáp ứng địa điểm tổ chức các hoạt động giải trí khi quá đông khách du lịch	0,385-0,395

Ghi chú: (0,021-0,001): Tương ứng với số ghi trước là xã Chiềng Châu, số ghi sau là xã Phong Phú. * Số trong ngoặc là kết quả tỷ lệ nhất quán CR (Consistency Ratio)*

Kết quả tỷ số nhất quán CR (Consistency Ratio) cho thấy tất cả các giá trị đều < 10%, như vậy đánh giá của các chuyên gia là khá đồng nhất và độ tin cậy cao.

Dựa vào công thức (i) mục 2.3 điểm bền vững của mục tiêu và các tiêu chí lớn đã được tính toán dựa trên kết quả đánh giá từ thang đo và trọng số của các tiêu chí. Các tiêu chí thành phần và các chỉ số/thang đo cũng được đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu.

3.3. Điểm bền vững và trạng thái bền vững của các điểm nghiên cứu

Bảng 7. Điểm bền vững và trạng thái bền vững của điểm du lịch dựa vào cộng đồng

Nội dung đánh giá	Phát triển du lịch bền vững	Kinh tế	Văn hóa – Xã hội	Môi trường	Cộng đồng và phát triển du lịch
1. Xã Chiềng Châu					
Điểm bền vững	65,25	74,03	75,38	56,23	55,48
Trạng thái bền vững	Tiềm năng	Tiềm năng	Tiềm năng	Trung bình	Trung bình
2. Xã Phong Phú					
Điểm bền vững	69,34	75,20	76,28	61,25	56,57
Trạng thái bền vững	Tiềm năng	Tiềm năng	Tiềm năng	Tiềm năng	Trung bình

Bảng 7 cho thấy tất cả các mức điểm sự bền vững đều nằm trong khoảng 41 - 60 (Trung bình) và 61 - 80 (Bền vững tiềm năng). Cụ thể điểm của các tiêu chí kinh tế và văn hóa - xã hội tại các địa điểm nghiên cứu đạt 74,03 và 76,28 đạt trạng thái bền vững tiềm năng. Tiêu chí môi trường, cộng đồng và phát triển du lịch đạt 56,23 đến 61,25 điểm, gần mức bền vững tiềm

năng (61 - 80 điểm). Trong khi đó kinh tế và văn hóa - xã hội vượt qua mức bền vững tiềm năng cần thiết (70 điểm) và có thể kết luận có khả năng duy trì ổn định trạng thái bền vững này. Do vậy, có thể kết luận rằng mô hình du lịch tại các địa điểm nghiên cứu đạt trạng thái bền vững tiềm năng. Điểm bền vững và điểm đánh giá các tiêu chí được thể hiện ở bảng 8.

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Bảng 8. Điểm bền vững và điểm đánh giá các tiêu chí tại xã Chiềng Châu và xã Phong Phú

Tiêu chí	Điểm bền vững		Tiêu chí thành phần	Điểm đánh giá		Thang đo	Điểm đánh giá	
	(1)	(2)		(1)	(2)		(1)	(2)
Kinh tế	74,03	75,20	Ổn định thu nhập	77,08	79,07	Sự ổn định thu nhập hộ gia đình từ khi làm du lịch	75,22	76,32
						Thu nhập từ du lịch tốt hơn nghề truyền thống	78,56	79,88
			Phân phối thu nhập	71,01	70,01	Người dân giữ lại được phần lớn doanh thu du lịch	74,25	77,56
						Chính sách thuế, phí về du lịch hợp lý	48,81	58,92
Văn hóa – xã hội	75,38	76,28	Mức độ bảo tồn đặc trưng văn hóa địa phương	75,11	78,12	Trang phục	76,21	78,28
						Nhà sàn	73,45	79,42
						Điệu múa, bài hát dân tộc	53,45	63,35
						Tiếng dân tộc	86,55	90,46
						Lễ hội truyền thống	85,17	86,14
			Tác động bên ngoài đến văn hóa	84,05	82,03	Sự mâu thuẫn văn hóa giữa các dân tộc tại địa phương	84,48	54,28
						Sự xuất hiện của văn hóa khác	81,03	51,04
			Ý thức lưu giữ văn hóa dân tộc	66,21	69,22	Truyền tải văn hóa địa phương cho khách du lịch	67,24	77,23
						Lưu giữ văn hóa của người trẻ	65,86	75,68
			Cơ hội giáo dục	84,64	86,63	Nói và viết chữ Quốc ngữ	86,55	87,54
						Đi học thuận tiện	82,41	83,21
			Đời sống dân cư	71,72	73,82	Cải tạo nhà cửa	81,72	86,73
						Nước sạch	83,79	85,97
						Dịch vụ y tế	72,76	75,72
						Điện	54,14	64,25
Môi trường	56,23	61,25	Bảo vệ tài nguyên tự nhiên và môi trường	58,76	68,76	Bảo vệ rừng	78,04	88,04
						Bảo vệ đất nông nghiệp	68,56	78,65
						Ảnh hưởng của bê tông hóa đến cảnh quan và môi trường	25,28	15,16
						Xử lý rác thải	68,22	78,25
			Ý thức bảo vệ môi trường	71,62	75,65	Tuyên truyền bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương	85,54	79,45
						Ý thức của khách du lịch	37,56	47,26
						Hành động của cộng đồng địa phương	84,15	85,25
Cộng đồng	55,48	56,57	Tương tác giữa người	45,16	41,67	Thái độ phản ứng khi gặp khách du lịch	57,85	61,19

và phát triển du lịch			dân và khách du lịch			Khả năng sử dụng tiếng Anh	41,32	32,74
						Giao lưu văn hóa với khách du lịch	38,49	37,59
			Hỗ trợ làm du lịch cho người dân địa phương	45,00	48,00	Lợi ích nhận được từ các khóa học du lịch	78,24	74,41
						Hỗ trợ khác của Nhà nước	17,35	30,51
						Tiếp thu ý kiến người dân	78,95	72,47
			Sức tải du lịch	65,56	73,74	Sự đáp ứng nhà ở homestay khi quá đông khách du lịch	81,32	75,50
						Sự đáp ứng địa điểm tổ chức các hoạt động giải trí khi quá đông khách du lịch	80,95	71,26

Ghi chú: (1): Xã Chiềng Châu; (2) Xã Phong Phú

3.4. Đề xuất giải pháp nâng cao tính bền vững cho các điểm phát triển du lịch dựa vào cộng đồng

3.4.1. Cải thiện tính bền vững cho nhóm tiêu chí về môi trường

Một số khía cạnh môi trường còn kém và ở mức trung bình, cần thiết phải có giải pháp cụ thể cho việc nâng cao tính bền vững ở khía cạnh môi trường, cần được thực hiện cùng với sự tham gia của chính quyền, cộng đồng và khách du lịch:

- Cộng đồng nhân dân địa phương và chính quyền địa phương cần quản lý tốt ao, hồ hiện có đang gắn liền với kiến trúc nhà sàn, nghiêm cấm các hành vi san lấp ao, hồ để sử dụng cho các mục đích khác để bảo vệ cảnh quan tự nhiên tại khu vực. Bên cạnh đó, phải giữ vệ sinh sạch sẽ cho các không gian này để tránh gây mất vệ sinh, tách riêng khu vực nuôi nhốt gia súc gia cầm và đảm bảo được sử dụng cho mục tiêu du lịch. Hạn chế các công trình bê tông không phù hợp với kiến trúc nhà sàn truyền thống, trồng bổ sung các hàng cây xanh và cây tự nhiên đã bị chặt phá từ trước.

- Cần có một hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh và được thiết kế sao cho phù hợp với đặc điểm địa hình và không làm ảnh hưởng đến cảnh quan tự nhiên của khu vực.

- Lồng ghép cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu cộng đồng dân cư gắn với công tác bảo vệ môi trường với phát triển bền vững; tôn vinh, nhân rộng các gương điển hình để người dân có ý thức, kiến thức sống thân thiện với môi trường. Trong khu dân cư thiết kế và đặt các biển chỉ dẫn ở vị trí phù hợp để hướng dẫn khách du lịch giữ gìn vệ sinh môi trường khu dân cư.

3.4.2. Cải thiện tính bền vững cho nhóm tiêu chí về cộng đồng và phát triển du lịch

- Về thái độ tương tác giữa người dân và khách du lịch, qua quan sát thực tế cho thấy một bộ phận người dân trong cộng đồng còn ngại giao tiếp nên bị hiểu lầm là thiếu niềm nở với khách du lịch. Để khắc phục vấn đề này, cần tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng về giao tiếp, ứng xử cho người dân trong kinh doanh du lịch, đặc biệt là khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

- Du lịch dựa vào cộng đồng thực chất là du lịch văn hóa, trải nghiệm vì vậy cần phải tạo cơ hội dễ dàng để khách du lịch được tham gia trải nghiệm các hoạt động văn hóa của người dân địa phương, điển hình là các buổi giao lưu văn hóa văn nghệ.

- Bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực quản lý, kinh doanh du lịch về phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ cho lao động du lịch trực tiếp và cộng đồng địa phương tại bản nhằm thúc đẩy tính chuyên nghiệp đến từng người dân.

- Xúc tiến và quảng bá du lịch, công tác tổ chức các chương trình, sự kiện du lịch trong và ngoài nước cần được đầu tư và chuẩn bị kỹ lưỡng từ nội dung đến hình thức, theo hướng chuyên nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch, tăng lượng khách đến bản.

- Chính quyền địa phương bên cạnh các hỗ trợ về mặt tài chính, cần có các hỗ trợ phi tài chính như hỗ trợ kỹ thuật, cải tạo cơ sở hạ tầng, khuyến khích các nhà khoa học tham gia đánh giá về tính bền vững của mô hình du lịch và phát hiện, dự báo các vấn đề khác trong tương lai. Đồng thời cần có chính sách rõ

ràng hơn về chia sẻ lợi ích trong hoạt động kinh doanh du lịch.

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

- Xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu và xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình là 2 điểm DLCĐ với trên 20 năm phát triển và có tỷ lệ hộ gia đình hộ gia đình làm nghề kinh doanh du lịch cao (xã Chiềng Châu 125/927 hộ, xã Phong Phú 95/961 hộ). Hàng năm 2 điểm DLCĐ đã đón tiếp khoảng 7.000 đến 8.567 lượt du khách, trong đó trên 80% là du khách quốc tế với thu nhập bình quân trên 40 triệu đồng/người/năm. Các sản phẩm du lịch chủ yếu tại 2 địa phương này là dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng homestay, hàng thủ công truyền thống, tham quan và hướng dẫn du lịch. Mặc dù được coi là những điểm sáng trong phát triển DLCĐ, nhưng vẫn đang tiềm ẩn một số vấn đề có thể dẫn đến thiếu bền vững trong tương lai.

- Kết quả đánh giá về điểm bền vững và trạng thái bền vững thông qua 4 nhóm tiêu chí lớn tại 2 địa điểm nghiên cứu (kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường, cộng đồng và phát triển du lịch), nhóm tiêu chí kinh tế, văn hóa - xã hội đều đạt số điểm bền vững khá cao 74,03 đến 76,28 điểm và đạt trạng thái bền vững tiềm năng, có thể duy trì ổn định. Các nhóm tiêu chí còn lại, gồm môi trường, cộng đồng và phát triển du lịch mới đạt ở trạng thái bền vững trung bình và gần mức trạng thái bền vững tiềm năng, nên cần có các giải pháp cải thiện trong thời gian tới.

- Kết quả đánh giá các tiêu chí thành phần tại cả hai địa điểm nghiên cứu đa số đạt trên 70 điểm và đạt trạng thái bền vững tiềm năng, duy trì tốt, trong đó vẫn còn có một số tiêu chí thành phần mới chỉ đạt ở mức trung bình (41 - 60) như tương tác giữa người dân và khách du lịch đạt 45,61 điểm (xã Chiềng Châu), 41,67 điểm (xã Phong Phú); hỗ trợ làm du lịch cho người dân địa phương đạt 45,00 (xã Chiềng Châu), 48,00 điểm (xã Phong Phú), do đó chính quyền và nhân dân địa phương cần có những giải pháp tích cực hơn.

4.2. Khuyến nghị

Phát triển DLCĐ tại xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu và xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình là chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có, bên cạnh những mặt tích cực đạt được, chính quyền và nhân dân địa phương cần quan tâm nhiều hơn đến

công tác cải thiện về môi trường cũng như vai trò, lợi ích và sự tham gia của người dân trong cung cấp các sản phẩm du lịch tại cộng đồng. Tỉnh Hòa Bình cần xây dựng những quy định, chính sách và tuyên truyền để người dân hiểu rõ vai trò và trách nhiệm của mình đối với sự phát triển kinh tế du lịch bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thanh Hương, Nguyễn Đức Hoa Cương (2007). *Nghiên cứu các mô hình du lịch cộng đồng ở Việt Nam*. Tổ chức Phát triển Hà Lan SNV, Trường Đại học Hà Nội.
2. UBND tỉnh Hòa Bình (2020). *Báo cáo hội thảo thực trạng và tiềm năng phát triển mô hình du lịch nông nghiệp nông thôn – tỉnh Hòa Bình 20/11/2020*.
3. Lin L. Z., Lu C. F. (2012). *Fuzzy Group Decision - Making in the Measurement of Ecotourism Sustainability Potential*. Springer Science, 1051–1079.
4. Yung Jan Lee and Li Pei Peng (2014). *Taiwan's Ecological Footprint (1994–2011)*.
5. Torres Delgado, A., & Saarinen, J. (2013). *Using indicators to assess sustainable tourism development: a review*. Tourism Geographies, 31-47.
6. Rio, D. and L. M. Nunes (2012). *Monitoring and evaluation tool for tourism estimations*. Tourism Management Perspectives, P. 64 – 66.
7. Nicole Häusler, Wolfgang Strasdas (2003). *Training Manual for Community-based Tourism*. InWEnt - Internationale Weiterbildung und Entwicklung gGmbH. Zschortau.
8. R. Prescott - Allen (1997). *Barometer of Sustainability. Measuring and communicating wellbeing and sustainable development*. IUCN.
9. Wang ZhengXin, Pei LingLing (2014). *A systems thinking-based grey model for sustainability evaluation of urban tourism*. Kybernetes 2014, 43, P.462 - 479.
10. Beeton, S. (2006). *Community development through tourism*. Australia: Landlinks Press.
11. Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J. and Anderson, R. E. (2010). *Multivariate Data Analysis*. 7th Edition, Pearson, New York.
12. Bruce L. Golden *et al.* (1989). *The Art and Science of Decision Making: The Analytic Hierarchy Process*. Publisher: Springer-Verlag.
13. Saaty, T. (1980). *The analytic hierarchy process*. New York: McGraw-hill.

**SUSTAINABLE ASSESSMENT OF SOME COMMUNITY - BASED TOURISM DESTINATIONS
IN HOA BINH PROVINCE**

Dang Van Ha¹, Nguyen Thi Yen¹, Nguyen Thu Trang¹

¹*Vietnam National University of Forestry (VNUF)*

Summary

Community - based tourism is a form of tourism business based on natural resources and local cultural characteristics, which tends to develop strongly in mountainous communities in recent years. Besides, the positive aspects achieved in terms of economy, preservation of cultural values and national identity, the exploitation and development of community-based tourism cannot avoid negative impacts, leading to the development of unsustainable tourism. Research results have shown that the community - based tourism activities in Chieng Chau commune - Mai Chau district and Phong Phu commune - Tan Lac district, annually welcomed about 15,000 tourists, of which 80% were international tourists, the average income is 40 million VND/person/year. The research team has built a set of criteria to evaluate the sustainability of the community-based tourism destinations with 04 major criteria (economic, cultural - social, environment, community and tourism development) with a sustainability scores of 75.20-74.03; 75.38-76.28; 56.23-61.25; 55.48 -56.57 and 12 component criteria. in which some criteria have not been evaluated well, such as the influence of the phenomenon of concreting in building construction (15.16), the ability to use English (32.74), cultural exchange with tourists (37.59), government support (30.51). The scale scores of a number of component criteria are evaluated very well such as preserving the ethnic language, speaking and writing the national language, maintaining traditional festivals, protecting forests and renovating houses... Results of this study, can be extended to evaluate community - based tourism models in other areas.

Keywords: *Community tourism, sustainable tourism, tourism capacity, Chieng Chau commune, Phong Phu commune.*

Người phản biện: TS. Hoàng Xuân Trọng

Ngày nhận bài: 5/4/2021

Ngày thông qua phản biện: 5/5/2021

Ngày duyệt đăng: 12/5/2021

TẠP CHÍ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THÔNG BÁO

Nhằm góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số của Tạp chí khoa học, Tạp chí Nông nghiệp và PTNT đã hoàn thiện ứng dụng gửi bài và phản biện bài online trên trang thông tin điện tử tổng hợp của Tạp chí. Tạp chí đã thực hiện quy trình xuất bản bài báo trực tuyến (online) bắt đầu từ Tạp chí số 01 năm 2021.

Để truy cập hệ thống tác nghiệp thực hiện quy trình gửi bài, quy trình phản biện online trên hệ thống phần mềm của Tạp chí và sử dụng cơ sở dữ liệu các số báo đã phát hành, đề nghị các cộng tác viên, phản biện bài báo và bạn đọc sử dụng theo link: <http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/> sau đó tiến hành đăng ký tài khoản và đăng nhập để bắt đầu quy trình sử dụng.

Tạp chí Nông nghiệp và PTNT xin thông báo để các cộng tác viên viết bài, phản biện bài báo và bạn đọc được biết.

Chi tiết xin liên hệ: Tạp chí Nông nghiệp và PTNT

Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.37711070; 024.38345457; 024.37716634.

Trân trọng cảm ơn sự ủng hộ, cộng tác của các cộng tác viên viết bài, phản biện bài báo và bạn đọc./.

BAN BIÊN TẬP